TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 3 -2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Chí Cường

Ông Nguyễn Văn Bé

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/12/2018, về việc "*Tranh chấp ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 01/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1978, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Tân Trung G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng Q, sinh năm 1981, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

HKTT: Ấp Tân Trung G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Tạm trú: Ấp V, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Nơi làm việc: Trường THCS Tân H;
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 03/2016, anh H xác lập quan hệ hôn nhân với chị Trần Thị Hồng Q và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Anh chị không có con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng anh không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, anh cảm thấy nếu chung sống tiếp thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ khi cưới về là cự cãi suốt từ tháng 01/2018 cho đến ngày ly thân là đỉnh điểm của sự cãi vả xung quanh chuyện trong gia đình, chị Q không hòa thuận được với các anh chị em trong gia đình của anh. Anh là con trai út trong gia đình mà chị Q không thường xuyên ở nhà để lo cho gia đình. Em gái anh bị bệnh mà chị Q không cho anh đi thăm nhưng anh vẫn đi nên chị Q đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 29/7/2018 cho đến nay, không có xin phép anh. Từ khoảng thời gian đó cho đến nay hai vợ chồng anh chỉ gặp mặt nhau được khoảng 03 lần, chị Q cũng không quay về nhà sống. Khi chị Q gọi điện thoại cho anh nhưng do bận công việc anh không nghe máy được, chị Q nhắn tin với lời lẽ không hay, có ý xúc phạm anh, chứ không có ý muốn hai vợ chồng đoàn tụ lại, càng làm cho anh cảm thấy mệt mỏi thêm, chị Q sống bất đồng, mâu thuẫn với hết anh, chị bên gia đình anh nên không thể nào hàn gắn lại được. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 29/7/2018 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể nào tiếp tục sống chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay anh Trần Minh H yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Trần Minh H yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Q.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Trần Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Hồng Q trình bày:

Chị Trần Thị Hồng Q thống nhất với anh Trần Minh H về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như anh H trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị và anh Trần Minh H tự tìm hiểu và quen biết nhau. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, hòa thuận với nhau nên hôn nhân giữa hai vợ chồng chị là có tình yêu thật sự. Chị làm giáo viên nên công việc thường xuyên không có ở nhà để lo cho gia đình bên chồng nhưng chị cũng sắp xếp thời gian để làm tròn trách nhiệm, anh H thì ở nhà nên từ đó hai bên hay xảy ra cự cãi, hay bất đồng ý kiến. Anh H cho rằng chị sống không hòa đồng với chị em trong gia đình bên chồng thì chị cũng thống nhất nhưng chỉ xảy ra từ tháng 4/2017 cho đến nay nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Từ tháng 01/2018 là vợ chồng thường xuyên cự cãi về chuyện gia đình đến ngày

29/7/2018, em của anh H bệnh, anh H đòi đi thăm, chị không cho nhưng anh H vẫn đi cùng chị chồng nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống cho đến nay. Khi đi chị có xin phép cha mẹ chồng và có nhắn tin cho chồng chị hay chứ không có nói trực tiếp. Từ lúc chị bỏ về nhà cha mẹ ruột thì chị và anh H có gặp nhau được 03 lần, lần gần nhất là tháng 10/2018. Vào ngày 16/10/2018, chị có ý định gặp cha chồng để nói chuyện là bên gia đình chị qua nói chuyện của hai vợ chồng chị để xin cho chị về sống lại nhưng chị chỉ gặp được chị chồng và hai bên có lời qua tiếng lại nên cuộc nói chuyện không thành. Chị và anh H đã sống ly thân từ ngày 29/7/2018 cho đến nay. Khi Tòa án hòa giải vụ án thì chị có điện thoại hỏi thăm chồng chị mục đích là để hai vợ chồng hàn gắn lại với nhau nhưng chồng chị không chịu nghe điện thoại và cũng không có gọi lại cho chị, sau đó chị có nhắn tin trách móc nói nặng lời với chồng chị vì không nghe điện thoại hay không gọi lại cho chị chứ chị không có ý định xúc phạm anh H. Nguyên nhân chính hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn là do chồng chị nghe lời của gia đình. Chị có bất đồng với anh, chị em bên gia đình bên chồng thì chị đã trình bày trong bản tự khai vào ngày 03/01/2019 (Từ BL số 15- 32). Mặc dù hai vợ chồng đã xảy rất nhiều mâu thuẫn nhưng chị cảm thấy hai vợ chồng có thể hàn gắn và sống đoàn tụ lại với nhau. Nếu chồng chị đồng ý đoàn tụ thì chị sẽ cố gắng sống hòa đồng với anh chị em bên gia đình bên chồng, chị sẽ thay đổi tính tình của mình, chị thừa nhận chị có tính nóng nảy và có thiếu sót vì chị bỏ đi về nhà là không đúng nhưng việc anh H cho rằng chị không nghe lời cha mẹ chồng là không có. Chị vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, con chung, nợ chung chị thống nhất không có nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn thì chị không có ý kiến yêu cầu.

Chị Trần Thị Hồng Q yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Minh H và chị Trần Thị Hồng Q thống nhất không có.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất với nhau:

Anh Trần Minh H yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Q nhưng chị Q không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Minh H và chị Trần Thị Hồng Q đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn với chị Q; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên

đề nghị không xem xét, giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Minh H và bị đơn chị Trần Thị Hồng Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh H và chị Trần Thị Hồng Q kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc anh H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định giữa anh và chị Q không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Anh và chị Q đã sống ly thân hơn 07 tháng nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong cuộc sống vợ chồng anh H và chị Q cũng không tìm được tiếng nói chung, chị Q thừa nhận khi chung sống chị có mâu thuẫn đối với các anh chị em bên gia đình anh H và cũng được thể hiện qua biên bản xác minh đối với ông Trần Phong V (Cha anh H), chị Q thừa nhận có tính cách nóng nảy và bỏ về nhà mẹ ruột sống là không đúng, chị hứa sẽ sửa đổi nếu anh H cho chị một cơ hội để về sống đoàn tụ. Xét thấy, từ khoảng thời gian sống ly thân cho đến khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải để cho các bên về sống đoàn tụ nhưng cho đến nay giữa anh H và chị Q vẫn không tạo được cơ hội nào để hàn gắn với nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị Q đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh Trần Minh H được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Q.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Minh H và chị Trần Thị Hồng Q thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh H; Cho anh Trần Minh H được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Q.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019844, ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Trần Minh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Minh H, chị Trần Thị Hồng Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh